

Số: 131 /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 05 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu
tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 585/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tại Văn bản số 2473/VP-NNXD ngày 04 tháng 6 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Khoa

học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: NNXD (Q03/6), NC;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH331/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử



QUY CHẾ
Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số 131 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau (gọi tắt là CSDLTNMT) theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc khai thác và sử dụng CSDLTNMT, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ số có tham gia khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Dữ liệu số: là dữ liệu về sự vật, hiện tượng, sự kiện, bao gồm một hoặc kết hợp các dạng âm thanh, hình ảnh, chữ số, chữ viết, ký hiệu được thể hiện dưới dạng kỹ thuật số. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số và là dữ liệu của cơ sở dữ liệu.

3. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu: là các dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hoặc thu nhận dữ liệu từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin. Trong hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu là giao diện tương tác của phần mềm phục vụ tiếp nhận kết nối và trao đổi các thông điệp dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.

4. Dữ liệu mở là dữ liệu mà mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đều được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng.

5. Dữ liệu dùng chung là dữ liệu được tiếp cận, chia sẻ, khai thác, sử dụng chung trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

6. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) là hệ thống trung gian phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và với các hệ thống bên ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các quy định chung về CSDLTNMT

1. Tính pháp lý

a) Dữ liệu được quản lý trong CSDLTNMT đảm bảo giá trị pháp lý tương đương với văn bản giấy chứa thông tin được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

b) Dữ liệu được khai thác và sử dụng từ CSDLTNMT phải có xác nhận của đơn vị được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao nhiệm vụ mới có giá trị pháp lý.

2. Tính tập trung, thống nhất

CSDLTNMT do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý tập trung, thống nhất; đồng thời được phép triển khai hạ tầng lưu trữ phân tán, sao lưu, dự phòng nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu và duy trì hoạt động liên tục theo quy định của pháp luật.

3. Tính toàn vẹn

a) Các công tác liên quan đến ngành tài nguyên và môi trường phải được cập nhật thường xuyên lên trên CSDLTNMT;

b) Các dữ liệu trước khi cập nhật vào CSDLTNMT phải được Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm duyệt để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của dữ liệu.

c) Dữ liệu phải được chuẩn hóa theo danh mục, tiêu chuẩn, mã định danh dùng chung theo quy định của pháp luật.

4. Tính sẵn sàng sử dụng

CSDLTNMT phải đảm bảo được cập nhật chính xác theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực đối với các dữ liệu phát sinh thường xuyên và luôn sẵn sàng khai thác và sử dụng; phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

5. An toàn thông tin

a) Chỉ người sử dụng được giao quyền mới có thể truy cập vào CSDLTNMT và tác động vào cơ sở dữ liệu trong phạm vi quyền hạn của mình;

b) CSDLTNMT phải được đảm bảo an toàn trước những thay đổi dữ liệu ngoài ý muốn và các hành động phá hoại;

c) Không được cập nhật, chia sẻ, cung cấp CSDLTNMT ngoài thẩm quyền dưới bất kỳ hình thức nào.

d) Dữ liệu phải được phân loại theo các mức: dữ liệu mở, dữ liệu chia sẻ, dữ liệu hạn chế theo quy định của pháp luật.

6. Tính lịch sử

Các cập nhật dữ liệu vào CSDLTNMT phải được ghi nhật ký (log). Các nhật ký này sẽ được lưu giữ theo năm cùng với CSDLTNMT gốc để phục vụ tra cứu người sử dụng ở các phiên làm việc và tác động đối với cơ sở dữ liệu khi có các vấn đề về sự cố dữ liệu.

Điều 5. CSDLTNMT tỉnh Cà Mau

CSDLTNMT là cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Cà Mau do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý, bao gồm:

1. Cơ sở dữ liệu đất đai;
2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;
3. Cơ sở dữ liệu môi trường;
4. Cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản;
5. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo;
6. Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ;
7. Cơ sở dữ liệu viễn thám;
8. Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;
9. Cơ sở dữ liệu về kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết, bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;
10. Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;
11. Cơ sở dữ liệu về hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;
12. Cơ sở dữ liệu về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ sở dữ liệu thành phần phải đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ và tích hợp vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; ưu tiên số hóa, cập nhật đối với các dữ liệu có tần suất khai thác cao.

Điều 6. Nguyên tắc khai thác và sử dụng CSDLTNMT

1. Tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.
2. Đảm bảo nguyên tắc: dữ liệu là tài sản; quản lý theo hướng đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung; khai báo một lần, sử dụng nhiều lần; mặc định chia sẻ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương II

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CSDLTNMT

Điều 7. Các hình thức khai thác dữ liệu từ CSDLTNMT

Việc khai thác và sử dụng CSDLTNMT được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Cấp tài khoản truy cập trực tiếp vào CSDLTNMT để khai thác và sử dụng phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, quá trình thực thi công vụ và giải quyết thủ tục hành chính cho các cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh.
2. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng với các hệ thống thông tin khác thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).
3. Chia sẻ dữ liệu được đóng gói và lưu trữ trên các phương tiện lưu trữ thông tin.
4. Khai thác thông tin, dữ liệu qua Cổng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau (<https://datasonnmt.camau.gov.vn/>) bao gồm việc công bố, khai thác dữ liệu mở theo quy định của pháp luật.
5. Thông qua hình thức điện tử (phiếu yêu cầu điện tử, dịch vụ công trực tuyến).
6. Thông qua hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cấp, quản lý, sử dụng tài khoản truy cập CSDLTNMT

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào yêu cầu khai thác và sử dụng CSDLTNMT của các cơ quan, đơn vị, cá nhân phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, quá trình thực thi công vụ và giải quyết thủ tục hành chính để tổ chức việc cấp tài khoản theo quy định của Quy chế này.

2. Mọi tài khoản được cấp phải được định danh đến từng người dùng cụ thể. Tài khoản cấp cho người sử dụng được phân thành 03 loại:

- a) Tài khoản dùng để khai thác thông tin (không có chức năng làm thay đổi dữ liệu);
- b) Tài khoản dùng để cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu;
- c) Tài khoản dùng cho người quản trị.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân được cấp tài khoản truy cập CSDLTNMT có trách nhiệm quản lý, bảo mật và chịu trách nhiệm về mọi tác động của tài khoản được cấp; định kỳ thay đổi mật khẩu nhằm đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

4. Khóa tài khoản.

Các tài khoản sẽ bị khóa trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo đề nghị của người có thẩm quyền về việc khóa tài khoản đã cấp cho cơ quan, đơn vị, cá nhân được quyền truy cập vào CSDLTNMT;
- b) Tài khoản bị phát hiện không bảo quản, bảo mật.
- c) Tài khoản không sử dụng trong thời gian dài theo quy định.

Điều 9. Thời hạn sử dụng dữ liệu sau khi khai thác

Dữ liệu được khai thác từ CSDLTNMT có thời hạn sử dụng nhất định. Thời hạn sử dụng dữ liệu được quy định như sau:

1. Dữ liệu khai thác qua hình thức được quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 của Quy chế này được phép sử dụng ngay sau khi khai thác nếu không có quy định khác.
2. Dữ liệu khai thác qua các hình thức khác được sử dụng nhiều lần trong phạm vi thời gian do Sở Nông nghiệp và Môi trường quy định. Hết hạn thời gian hạn định, dữ liệu không có giá trị sử dụng.
3. Việc xác định thời hạn sử dụng dữ liệu căn cứ vào tính chất, mục đích sử dụng và quy định pháp luật có liên quan; dữ liệu hết hiệu lực phải được cập nhật, thay thế bằng dữ liệu mới.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng CSDLTNMT

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng CSDLTNMT có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP; không được chia sẻ lại dữ liệu trái phép; tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin; đồng thời tuân thủ theo khoản 2 Điều 52 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Điều 11. Công bố danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường, dịch vụ chia sẻ dữ liệu

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm công bố danh mục CSDLTNMT trên Trang thông tin điện tử của Sở, Cổng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau hoặc Cổng Thông tin điện tử tỉnh phục vụ tra cứu, cung cấp, khai thác và sử dụng; đồng thời tích hợp với danh mục dữ liệu mở theo quy định.

Điều 12. Tổ chức, quản lý CSDLTNMT

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm triển khai các hoạt động tổ chức, quản lý CSDLTNMT theo quy định, cụ thể:

1. Thu thập dữ liệu, tạo lập dữ liệu để hình thành CSDLTNMT;
2. Quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu, quản lý sự thay đổi dữ liệu;
3. Chia sẻ dữ liệu và quản lý chia sẻ dữ liệu;
4. Khai thác, sử dụng CSDLTNMT;
5. Thực hiện quản trị dữ liệu; giám sát, đánh giá chất lượng dữ liệu định kỳ.

Điều 13. Chi phí chia sẻ, sử dụng dữ liệu

Thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

Chương III

KẾT NỐI, CHIA SẺ CSDLTNMT TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 14. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên và môi trường của các cơ quan, đơn vị được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng mục đích, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), điều phối dữ liệu theo quy định; bảo đảm khả năng liên thông, tích hợp, khai thác hiệu quả giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

3. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ phải đảm bảo:

- a) Tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn thông tin, an ninh mạng;
- b) Có khả năng truy vết, giám sát trong quá trình khai thác, sử dụng;
- c) Được chuẩn hóa theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, từ điển dữ liệu dùng chung.

Điều 15. Phối hợp kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- a) Công bố danh mục dữ liệu và hình thức chia sẻ dữ liệu;
- b) Chủ trì thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương thông qua nền tảng điều phối dữ liệu;
- c) Thực hiện đồng bộ dữ liệu theo quy định với các hệ thống dữ liệu quốc gia;
- d) Tiếp nhận các yêu cầu kết nối sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu từ các cơ quan có nhu cầu sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu kết nối, khai thác dữ liệu, có trách nhiệm tạo tài khoản kết nối và thông báo cho cơ quan, đơn vị yêu cầu. Trong trường hợp từ chối yêu cầu phải nêu rõ lý do từ chối.

2. Các cơ quan, đơn vị có yêu cầu kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

Gửi yêu cầu kết nối, khai thác CSDLTNMT đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, hướng dẫn.

Điều 16. Trách nhiệm trong kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm

- a) Bảo đảm dữ liệu được kết nối, chia sẻ đầy đủ, kịp thời;
- b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, cập nhật của dữ liệu;
- c) Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống dữ liệu bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn;
- d) Thực hiện giám sát, ghi nhật ký (log), truy vết việc khai thác, sử dụng dữ liệu.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng CSDLTNMT

- a) Thực hiện khai thác đúng mục đích, phạm vi được cấp quyền;
- b) Không làm sai lệch, mất mát dữ liệu trong quá trình khai thác, sử dụng;
- c) Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với dữ liệu được khai thác.

Điều 17. Giải quyết vướng mắc kết nối, chia sẻ CSDLTNMT

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc phát sinh khi kết nối, chia sẻ CSDLTNMT.

2. Nguyên tắc giải quyết vướng mắc

- a) Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;
- b) Tôn trọng nội dung thống nhất chia sẻ dữ liệu của các cơ quan tham gia;
- c) Bảo đảm hài hòa lợi ích của các cơ quan nhà nước, vì mục đích chung, tôn trọng phương án tự giải quyết của các cơ quan có liên quan.

3. Trình tự xử lý vướng mắc

a) Cơ quan khai thác dữ liệu có vướng mắc trong kết nối, chia sẻ CSDLTNMT gửi yêu cầu đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận yêu cầu giải quyết, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải giải đáp, hướng dẫn xử lý các vướng mắc cho cơ quan khai thác dữ liệu. Đối với trường hợp khẩn cấp, thời gian xử lý không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận.

b) Trường hợp vướng mắc không xử lý được, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để được xem xét, hướng dẫn giải quyết.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

- 1. Tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
- 2. Chủ trì xây dựng, ban hành và công bố danh mục dữ liệu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý.
- 3. Tổ chức chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật dữ liệu nhằm bảo đảm chất lượng, tính chính xác và khả năng khai thác, sử dụng.
- 4. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.
- 5. Thực hiện tích hợp dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ Trung tâm điều hành thông minh (IOC).

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật; giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, khung kiến trúc số, kiến trúc dữ liệu cấp tỉnh; thực hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ

dữ liệu thông qua nền tảng LGSP của tỉnh, nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu và an toàn thông tin.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí kinh phí theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và các tổ chức, cá nhân khác có dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào CSDLTNMT nhằm thống nhất trong quản lý, khai thác và công bố thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 22. Trách nhiệm triển khai thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, bất cập, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.